

Số: 17/2019/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 06 tháng 12 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi chế độ bồi dưỡng đối với giải thi đấu thể thao  
và mức chi chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên  
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật Thể dục, thể thao sửa đổi năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP, ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP, ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL, ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Liên Bộ: Tài chính - Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2018/TT-BTC, ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định nội dung và định mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;*

*Xét Tờ trình số 3524/TTr-UBND, ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Quy định mức chi chế độ bồi dưỡng đối với giải thi đấu thể thao và mức chi chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra số 66/BC-VHXH, ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ban Văn hóa Xã hội - HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về mức chi chế độ bồi dưỡng đối với giải thi đấu thể thao và mức chi chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Thời điểm áp dụng: Từ ngày 01/01/2020.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 270/2012/NQ-HĐND13, ngày 24 tháng 5 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc Quy định chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên và mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XIV, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 12 năm 2019./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: TC, VHTTDL;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- L/đ UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu QH, HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VP, CVHĐ.

**CHỦ TỊCH**



**Lò Văn Muôn**

## QUY ĐỊNH

### Mức chi chế độ bồi dưỡng đối với giải thi đấu thể thao và mức chi chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh Điện Biên

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)*

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao được tổ chức trên địa bàn tỉnh; các giải thi đấu thể thao khu vực, quốc gia và quốc tế; Đại hội thể dục thể thao các cấp; Hội khỏe phù đồng cấp tỉnh, cấp huyện; mức chi chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chế độ bồi dưỡng áp dụng cho các đối tượng gồm:

- a) Thành viên Ban tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe phù đồng.
- b) Thành viên Ban tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn.
- c) Trọng tài, giám sát, thư ký các giải thi đấu.
- d) An ninh trật tự, y tế, nhân viên phục vụ.
- e) Các đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ.

2. Chế độ dinh dưỡng, mức thưởng thành tích thi đấu tại Đại hội thể dục thể thao các cấp; Hội khỏe phù đồng cấp tỉnh, huyện và giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh; giải thi đấu khu vực, quốc gia và quốc tế cho các đối tượng gồm:

- a) Vận động viên.
- b) Huấn luyện viên.
- c) Trọng tài.

## Chương II

### NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 3. Mức chi chế độ đối với giải thi đấu thể thao

1. Mức chi tiền ăn trong quá trình tổ chức giải (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và một ngày sau thi đấu):

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

TT	Đối tượng	Mức chi cho các cấp		
		Cấp tỉnh	Cấp ngành tỉnh, cấp huyện	Cấp xã
1	Ban tổ chức, trưởng phó các tiểu ban chuyên môn; Thành viên các Tiểu ban chuyên môn; Giám sát, trọng tài, thư ký	180.000	135.000	90.000

Các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được thanh toán phụ cấp, tiền lưu trú, công tác phí theo quy định thì không được hưởng chế độ chi tiền ăn trong thời gian tổ chức giải thi đấu.

2. Mức chi tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ (được tính theo ngày làm việc thực tế, hoặc theo buổi thi đấu thực tế):

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

TT	Đối tượng	Mức chi cho các cấp		
		Cấp tỉnh	Cấp ngành tỉnh, cấp huyện	Cấp xã
1	Ban tổ chức, trưởng phó các tiểu ban chuyên môn	95.000	70.000	45.000
2	Thành viên các Tiểu ban chuyên môn	70.000	50.000	35.000

Đơn vị tính: đồng/người/buổi

TT	Đối tượng	Mức chi cho các cấp		
		Cấp tỉnh	Cấp ngành tỉnh, cấp huyện	Cấp xã
1	Giám sát, trọng tài chính	70.000	50.000	35.000
2	Thư ký, trọng tài khác	60.000	45.000	30.000
3	An ninh trật tự, y tế, nhân viên phục vụ	50.000	40.000	25.000

3. Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ:

a) Chi sáng tác, dàn dựng, xây dựng kịch bản, đạo diễn các màn đồng diễn Đại hội Thể dục thể thao; Hội khỏe phù đồng cấp tỉnh, cấp huyện; kịch bản các giải thi đấu khu vực, toàn quốc, quốc tế tổ chức tại tỉnh: thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa cơ quan có thẩm quyền với các tổ chức hoặc cá nhân, mức chi căn cứ theo quy định hiện hành.

b) Chi bồi dưỡng đôi tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ (thời gian tập luyện do cấp có thẩm quyền quyết định):

*Đơn vị tính: đồng/người/buổi*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp ngành tỉnh, cấp huyện</b>
1	Người tập		
	- Tập luyện	30.000	20.000
	- Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	40.000	30.000
	- Chính thức	70.000	50.000
2	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	60.000	40.000

#### **Điều 4. Mức thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài**

1. Mức thưởng cho vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu, Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe phù đồng và giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật do cấp tỉnh tổ chức:

a) Giải cá nhân: Giải nhất 700.000 đồng; Giải nhì 600.000 đồng; Giải ba 500.000 đồng.

b) Đối với môn thể thao có từ 02 đến 03 vận động viên thi đấu: Mức thưởng bằng số lượng vận động viên nhân với 80% mức thưởng cá nhân.

c) Đối với các môn thể thao tập thể, đồng đội có từ 04 vận động viên thi đấu trở lên: Mức thưởng bằng số lượng vận động viên thi đấu theo quy định của điều lệ từng giải nhân với 70% mức thưởng cá nhân tương ứng.

d) Giải toàn đoàn (chỉ áp dụng đối với Đại hội thể dục thể thao): Giải nhất 3.000.000 đồng; Giải nhì 2.500.000 đồng; Giải ba 2.000.000 đồng.

e) Mức thưởng tổ trọng tài xuất sắc điều hành các môn thi đấu tập thể tại Đại hội thể dục thể thao; các giải Bóng đá, Bóng chuyền cấp tỉnh 1.500.000 đồng.

g) Mức thưởng giải phong cách Thể dục thể thao Xã hội chủ nghĩa (TDTT-XHCN) cho các môn thi đấu tập thể: 1.500.000 đồng.

h) Mức thưởng cho danh hiệu cá nhân xuất sắc (chỉ áp dụng đối với môn bóng đá, bóng chuyền): 500.000 đồng.

2. Mức thưởng cho vận động viên, trọng tài đạt thành tích tại các giải thi đấu, Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe phù đồng và giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật:

a) Cấp ngành tỉnh, cấp huyện tổ chức: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng của giải cấp tỉnh.

b) Cấp xã tổ chức: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng của giải cấp tỉnh.

3. Mức thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại Đại hội Thể thao toàn quốc, các giải vô địch thể thao quốc gia, giải trẻ, giải thể thao quần chúng khu vực và toàn quốc:

a) Đối với các môn thi đấu cá nhân:

*Đơn vị tính: đồng/người/huy chương*

TT	Giải đấu	Thành tích			Phá kỷ lục
		HCV	HCB	HCB	
1	Đại hội Thể thao toàn quốc	10.000.000	7.000.000	5.000.000	5.000.000
2	Giải vô địch quốc gia	6.000.000	4.000.000	2.000.000	2.500.000
3	Giải trẻ quốc gia	2.000.000	1.500.000	1.000.000	-
4	Các giải thể thao quần chúng	1.500.000	1.000.000	700.000	-

b) Đối với các môn thể thao tập thể và môn thi đấu đồng đội: Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 60% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

c) Vận động viên các đội tuyển tỉnh lập thành tích Huy chương vàng, bạc, đồng tại các giải thi đấu khu vực, quốc gia và quốc tế (ngoài thưởng tiền tại điểm a khoản 3 điều này) thì Huấn luyện viên, vận động viên được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng và Quy chế thi đua khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 5. Quy định về trang phục**

a) Vận động viên, huấn luyện viên các đội tuyển tỉnh tham dự các giải vô địch quốc gia; Đại hội Thể thao toàn quốc; các giải thể thao khu vực, toàn quốc và giải thể thao quốc tế được trang bị trang phục thi đấu theo mùa và theo Điều lệ giải: Trang phục mùa hè không quá 700.000 đồng/người/giải; trang phục mùa đông không quá 1.500.000 đồng/người/giải.

b) Vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển cấp ngành tỉnh, cấp huyện tham gia Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh được trang bị trang phục thi đấu với định mức bằng 70% đội tuyển tỉnh.

#### **Điều 6. Chế độ dinh dưỡng cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu**

1. Chế độ dinh dưỡng cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao quần chúng, thể thao dành cho người khuyết tật trong thời gian tập trung huấn luyện và thi đấu.

Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng được tính bằng tiền cho một ngày tập trung huấn luyện và thi đấu của một huấn luyện viên, vận động viên. Số ngày tập trung huấn luyện và thi đấu là số ngày vận động viên, huấn luyện viên có mặt thực tế tập trung huấn luyện và thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/ngày*

TT	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển	Chế độ dinh dưỡng	
		Tập trung tập huấn	Tập trung thi đấu
1	Đội tuyển cấp tỉnh	180.000	240.000
2	Đội tuyển cấp ngành tỉnh, cấp huyện	120.000	150.000
3	Đội tuyển cấp xã	90.000	110.000

2. Chế độ dinh dưỡng cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập trung tập luyện, huấn luyện và thi đấu.

Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng được tính bằng tiền cho một ngày tập trung tập luyện, huấn luyện và thi đấu của một vận động viên, huấn luyện viên. Số ngày tập trung tập luyện, huấn luyện và thi đấu là số ngày huấn luyện viên, vận động viên có mặt thực tế tập trung tập luyện, huấn luyện và thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/ngày*

TT	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển	Chế độ dinh dưỡng	
		Tập luyện, huấn luyện	Tập trung thi đấu
1	Đội tuyển cấp tỉnh	220.000	290.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	175.000	220.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	130.000	220.000

**Điều 7. Nguồn kinh phí:** Kinh phí chi trả cho các chế độ tại Quy định này được đảm bảo từ các nguồn:

1. Nguồn ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.
2. Nguồn thu từ bán vé xem thi đấu, tài trợ và quảng cáo.
3. Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

**CHỦ TỊCH**



**Lò Văn Muôn**